BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

DANH SÁCH THI HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
Chuyên ngành: Ngôn ngữ Đức Khóa: Khóa 2016
Học kỳ: Kỳ 8 Lần thi: Lần 1 Môn học:GER415 Dịch Đức 3

Ngày thi dịch nóit III: 8h, thứ 3, ngày 13.05.20 - P.308A1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Dịch nói CK	Ký tên	Ghi chú
1	DV3-01	1507050017	TẠ MINH CHÂU	26/09/1995	1Đ-16			
2	DV3-02	1507050030	TẠ THỊ THANH HÀ	08/10/1997	1Đ-16			
3	DV3-03	1507050040	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	25/11/1997	1Đ-16			
4	DV3-04	1507050052	HỒ KIỀU LAN	15/09/1997	1Đ-16			
5	DV3-05	1507050093	LÝ PHƯƠNG THẢO	01/01/1997	2Đ-16			
6	DV3-06	1507050110	LÊ QUỲNH TRANG	14/10/1997	1Đ-16			
7	DV3-07	1507050116	TRẦN VIỆT TRINH	20/09/1997	1Đ-16			
8	DV3-08	1507050118	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	29/08/1997	2Đ-16			
9	DV3-09	1507050126	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	26/01/1997	1Đ-16			
10	DV3-10	1607050023	Nguyễn Bảo Châm	24/02/1998	1Đ-16			
11	DV3-11	1607050024	Nguyễn Đỗ Quỳnh Chi	24/09/1998	2Đ-16			
12	DV3-12	1607050025	Nguyễn Kim Chi	13/11/1998	2Đ-16			
13	DV3-13	1607050027	Nguyễn Tăng Đạo	13/10/1998	2Đ-16			
14	DV3-14	1607050032	Lê Thuỳ Dương	18/02/1998	2Đ-16			
15	DV3-15	1607050034	Lành Thị Hương Duyên	16/11/1998	1Đ-16			
16	DV3-16	1607050035	Nguyễn Thị Duyên	10/07/1998	2Đ-16			
17	DV3-17	1607050038	Nguyễn Thị Thu Hà	07/09/1998	1Đ-16			
18	DV3-18	1607050041	Nguyễn Thúy Hằng	18/10/1998	1Đ-16			
19	DV3-19	1607050044	Trần Hồng Hạnh	28/03/1998	2Đ-16			
20	DV3-20	1607050049	Đinh Thuý Huyền	20/10/1998	2Đ-16			
21	DV3-21	1607050053	Nguyễn Thu Huyền	03/09/1998	1Đ-16			
22	DV3-22	1607050060	Hoàng Hà Linh	16/02/1998	1Đ-16			
23	DV3-23	1607050063	Ngô Thị Thảo Linh	23/12/1998	2Đ-16			
24	DV3-24	1607050074	Nguyễn Thị Huyền My	03/11/1998	1Đ-16			
25	DV3-25	1607050081	Hoàng Thị Nhung	22/10/1998	2Đ-16			
26	DV3-26	1607050084	Bùi Việt Phương	21/05/1998	1Đ-16			
27	DV3-27	1607050085	Lê Thu Phương	10/12/1998	1Đ-16			
28	DV3-28	1607050090	Nguyễn Minh Quân	04/06/1998	1Đ-16			
29	DV3-29	1607050098	Đào Thị Phương Thảo	11/03/1998	1Đ-16			
30	DV3-30	1607050109	Chu Thanh Thuỷ	02/07/1998	1Đ-16			
31	DV3-31	1607050113	Nguyễn Thị Thủy Tiên	02/10/1998	2Đ-16			
32	DV3-32	1607050121	Trần Hà Trang	20/06/1998	2Đ-16			
33	DV3-33	1607052143	Phan Vũ Tùng	14/12/1998	1Đ-16			
34	DV3-34	1407050023	Vũ thị Thục Chinh	14/04/1996	1Đ-14	x	x	HLDN3
35	DV3-35	1507050091	Vũ Xuân Quỳnh	22/10/1997	2Đ-15	x	x	HLDN3
36		1607050072	Nguyễn Thị Phương Mai	04/04/1998	2Đ-16	CT		DN: ĐKT 6/15
37		1607050008	Lù Thị Thục Anh	05/02/1998	2Đ-16	CT		DV: ĐKT 11/15, DN: 11/15

Danh sách: 37 Đủ đk thi: 35 Không đủ đk: Dự thi: Bỏ Thi: Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên:

CBCT thứ nhất CBCT thứ hai